

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG  
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 44/2022/HNGĐ -ST

Ngày: 17 tháng 02 năm 2022

V/v “*Xin ly hôn*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Quang Vũ

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- 1). Ông Nguyễn Văn Cường
- 2). Bà Huỳnh Thị Mỹ Hà

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Ngọc Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang không tham gia phiên tòa.*

Ngày 17 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 211/2021/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2021, về việc “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 210/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 170/2021/QĐST- HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2021 và Thông báo dời phiên tòa xét xử số: 06/2022/TB- TA ngày 17 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị Thanh N, sinh năm: xxxx (có mặt).  
Địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.
2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn K, sinh năm xxxx (vắng mặt).  
Địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phan Thị Thanh N trình bày:*

*- Về hôn nhân:* Năm 2013, chị và anh Trần Văn K qua mai mối, tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân

dân xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Sau cưới, vợ chồng sống chung với gia đình chồng. Sống không hạnh phúc do anh K sử dụng ma túy, thường xuyên về nhà kiếm chuyện đánh chửi chị. Chị đã khuyên can nhiều lần nên vợ chồng tiếp tục chung sống nhưng sau đó anh K tiếp tục sử dụng ma túy về nhà đánh chửi và hăm dọa đòi giết chị. Từ tháng 9 năm 2019, vợ chồng không còn chung sống cho đến nay. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn K.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thị Ngọc P, sinh ngày xx/xx/xxxx và Trần Duy K, sinh ngày xx/xx/xxxx hiện đang sống với chồng. Ly hôn, chị yêu cầu nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

\* Anh Trần Văn K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tổng tụng trong quá trình giải quyết vụ án nhưng anh K vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến của mình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phan Thị Thanh N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn K là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, chị N có mặt. Anh Trần Văn K đã được Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (lần 1, lần 2); Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập nhưng anh K vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh K.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Phan Thị Thanh N và anh Trần Văn K tự nguyện tìm hiểu và chung sống được Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng kết hôn số 39/20214, quyền số 01/2014, ngày 26 tháng 3 năm 2014 là hôn nhân hợp pháp. Thời gian chung sống vợ chồng mâu thuẫn do anh K sử dụng ma túy, thường xuyên về nhà kiếm chuyện đánh chửi chị. Chị N đã trao đổi hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng anh K vẫn không thay đổi.

Từ tháng 09 năm 2019, vợ chồng anh chị không còn chung sống cho tới nay. Nay tình cảm không còn nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn K.

- Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh K không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, anh K sử dụng ma túy, thường xuyên về nhà đánh chửi chị N, không quan tâm đến cuộc sống hôn nhân của mình, không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên Hội đồng xét xử thấy tình trạng hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N xin ly hôn là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Trong quá trình giải quyết vụ án anh K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng để tham dự phiên tòa và có ý kiến về việc chị N xin ly hôn nhưng anh K vẫn không có ý kiến mà để mặc cho mâu thuẫn kéo dài, không phản đối những nội dung mà chị N đưa ra nên lời trình bày của chị N là có cơ sở phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị N khai vợ chồng anh chị có 02 con chung tên Trần Thị Ngọc P, sinh ngày xx/xx/xxxx và Trần Duy K, sinh ngày xx/xx/xxxx, hiện đang sống chung với chị. Ly hôn, chị N yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu của chị N về việc nuôi con chung là phù hợp với nguyện vọng, điều kiện sống hiện nay của con chung và quy định tại các điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh K do chị N chưa có yêu cầu. Anh K được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N khai không có.

[3] Về án phí: Chị N phải nộp án phí theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm b, khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phan Thị Thanh N và anh Trần Văn K.
2. Về con chung:

- Giao con chung tên Trần Thị Ngọc P, sinh ngày xx/xx/xxxx và Trần Duy K, sinh ngày xx/xx/xxxx cho chị Phan Thị Thanh N được tiếp tục nuôi dưỡng

- Anh Trần Văn K được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

- Vì lợi ích của con, việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí:

Chị Phan Thị Thanh N nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007254 ngày 08 tháng 10 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Chị N đã nộp đủ án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận**

- VKSND huyện Gò Công Đông;
- Chi cục THA DS huyện Gò Công Đông;
- UBND xã T, huyện G;
- Các đương sự
- Lưu hs.av

**Trần Quang Vũ**